



Ngân hàng Phát triển Việt Nam

The Vietnam Development Bank

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2006 ANNUAL REPORT 2006



MỤC LỤC

PHẦN I: THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN

1 - Quyết định 108/2006/QĐ/TTg, Ngày 19/05/2006:.....	02
2- Quyết định 110/2006/QĐ/TTg, Ngày 19/05/2006:.....	06

PHẦN II: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính:.....	18
2. Bảng cân đối kế toán:.....	19
3. Báo cáo kết quả hoạt động:	20
4. Chú thích tài chính:	20

INDEX

PART ONE

1 - Decision No: 108/2006/QD/TTg, May 19 th 2006:	29
2- Decision No: 110/2006/QD/TTg, May 19 th 2006:	33

PART TWO:

1. Principles for financial statements of VDB:.....	44
2. Balance sheets:	45
3. Statements of operations:	46
4. Notes to financial statements:	46



QUYẾT ĐỊNH SỐ 108/2006/QĐ-TTg NGÀY 19/05/2006

Về việc thành lập Ngân hàng Phát triển Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002.

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng ngày 15 tháng 6 năm 2004.

Căn cứ Nghị quyết số 06/2006/NQ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2006.

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Thành lập Ngân hàng Phát triển Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Phát triển) trên cơ sở tổ chức lại Quỹ Hỗ trợ phát triển (được thành lập theo Nghị định số 50/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999) để thực hiện chính sách tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.

Tên giao dịch quốc tế: The Vietnam Development Bank

Tên viết tắt: VDB

Ngân hàng Phát triển có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài, được tham gia hệ thống thanh toán với các ngân hàng và cung cấp dịch vụ thanh toán theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Phát triển kế thừa mọi quyền lợi, trách nhiệm từ Quỹ Hỗ trợ phát triển.

Điều 2. Hoạt động của Ngân hàng Phát triển không vì mục đích lợi nhuận, tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng 0% (không phần trăm), không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Ngân hàng Phát triển được Chính phủ bảo đảm khả năng thanh toán, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vốn điều lệ của Ngân hàng Phát triển là 5.000 tỷ đồng (năm nghìn tỷ đồng) từ nguồn vốn điều lệ hiện có của Quỹ Hỗ trợ phát triển.

Việc điều chỉnh, bổ sung vốn điều lệ thuộc yêu cầu và nhiệm vụ cụ thể, bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng Phát triển và do Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển được quy định tại Quyết định này và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng Phát triển là 99 năm, kể từ khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.



Điều 3. Nguồn vốn hoạt động của Ngân hàng Phát triển:

1. Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước
 - a) Vốn điều lệ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
 - b) Vốn của ngân sách nhà nước cấp cho các dự án theo kế hoạch hàng năm.
 - c) Vốn ODA được Chính phủ giao.
2. Vốn huy động:
 - a) Phát hành trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi theo quy định của pháp luật.
 - b) Vay của Tiết kiệm bưu điện, Quỹ Bảo hiểm xã hội và các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước.
3. Nhận tiền gửi ủy thác của các tổ chức trong và ngoài nước.
4. Vốn đóng góp tự nguyện không hoàn trả của các cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính, tín dụng và các tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội, các hội, các tổ chức trong và ngoài nước.
5. Vốn nhận ủy thác cấp phát, cho vay của chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội, các hội, các tổ chức, các cá nhân trong và ngoài nước.
6. Các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ của Ngân hàng Phát triển:

1. Huy động, tiếp nhận vốn của các tổ chức trong và ngoài nước để thực hiện tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước theo quy định của Chính phủ.
2. Thực hiện chính sách tín dụng đầu tư phát triển:
 - a) Cho vay đầu tư phát triển.
 - b) Hỗ trợ sau đầu tư.
 - c) Bảo lãnh tín dụng đầu tư.
3. Thực hiện chính sách tín dụng xuất khẩu:
 - a) Cho vay xuất khẩu.
 - b) Bảo lãnh tín dụng xuất khẩu.
 - c) Bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng xuất khẩu.
4. Nhận ủy thác quản lý nguồn vốn ODA được Chính phủ cho vay lại: nhận ủy thác, cấp phát cho vay đầu tư và thu hồi nợ của khách hàng từ các tổ chức trong và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận ủy thác giữa Ngân hàng Phát triển với các tổ chức ủy thác.
5. Ủy thác cho các tổ chức tài chính, tín dụng thực hiện nghiệp vụ tín dụng của Ngân hàng Phát triển.
6. Cung cấp các dịch vụ thanh toán cho khách hàng và tham gia hệ thống thanh toán trong nước và quốc tế phục vụ các hoạt động của Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật.
7. Thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu.



8. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ giao.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức Ngân hàng Phát triển:

1. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Phát triển gồm:

a) Hội đồng quản lý.

b) Ban Kiểm soát.

c) Bộ máy điều hành gồm:

- Hội sở chính đặt tại Thủ đô Hà Nội,

- Sở Giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng đại diện trong nước và nước ngoài.

Nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và Bộ máy điều hành Ngân hàng Phát triển thực hiện theo quy định tại Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Ngân hàng Phát triển tổ chức bộ máy quản lý, điều hành tại địa bàn một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, phù hợp với yêu cầu và phạm vi hoạt động của Ngân hàng Phát triển, bảo đảm tinh gọn và hiệu quả.

Điều 6. Quyết định các chức danh lãnh đạo Ngân hàng Phát triển

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý, Tổng giám đốc theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, sau khi có ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan.

2. Hội đồng quản lý quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh gồm: Phó Tổng giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.

3. Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh còn lại của Ngân hàng Phát triển.

Điều 7. Thủ tướng Chính phủ quyết định Quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Phát triển theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 8. Trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương và các tổ chức có liên quan đối với Ngân hàng Phát triển:

1. Bộ Tài chính :

a) Trình cơ quan, cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các chính sách tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước, hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Phát triển.

b) Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định: sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Phát triển.

c) Giám sát, kiểm tra, thanh tra các hoạt động của Ngân hàng Phát triển. Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước do Bộ Tài chính giao hoặc ủy nhiệm cho Ngân hàng Phát triển cho vay lại và thu hồi nợ hoàn trả vốn cho ngân sách nhà nước.

d) Hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán của Ngân hàng Phát triển.

đ) Làm đầu mối xử lý những vấn đề chung và những vấn đề liên ngành của Ngân hàng Phát triển trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.



2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

a) Hướng dẫn Ngân hàng Phát triển thực hiện các nghiệp vụ có liên quan đến hoạt động tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu.

b) Giám sát Ngân hàng Phát triển trong việc thực hiện các nghiệp vụ theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng và thẩm quyền liên quan đến tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu.

4. Bộ Thương mại

Thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng và thẩm quyền liên quan đến chính sách tín dụng xuất khẩu của Nhà nước

5. Bộ Nội vụ:

a) Thẩm định các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản lý, các thành viên Hội đồng quản lý, Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam trước khi trình Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm.

b) Hướng dẫn Ngân hàng Phát triển thực hiện đúng các chế độ, chính sách quản lý và đào tạo cán bộ, viên chức.

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội :

a) Hướng dẫn Ngân hàng Phát triển thực hiện các chính sách, chế độ về lao động, tiền lương và phụ cấp;

b) Kiểm tra, giám sát Ngân hàng Phát triển trong việc thực hiện các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tiền lương và phụ cấp cho cán bộ, viên chức của Ngân hàng Phát triển.

7. Các Bộ, ngành chức năng khác

Các Bộ, cơ quan chức năng khác thực hiện quản lý nhà nước đối với Ngân hàng Phát triển theo chức năng và thẩm quyền.

Điều 9. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 10. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản lý và Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG
Phan Văn Khải - Đã ký



QUYẾT ĐỊNH SỐ 110/2006/QĐ-TTg NGÀY 19/05/2006

Về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002.

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng ngày 15 tháng 6 năm 2004.

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Căn cứ Nghị quyết số 06/2006/NQ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2006.

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Quyết định số 231/1999/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản lý, Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG
Phan Văn Khải - Đã ký



ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 110/2006/QĐ-TTg
ngày 19 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Phát triển) được thành lập theo Quyết định số 108/2006/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện chính sách tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước theo quy định của Chính phủ.

Điều 2.

1. Tên gọi :

Tên tiếng Việt: **Ngân hàng Phát triển Việt Nam**

Tên giao dịch quốc tế: The Vietnam Development Bank

Tên viết tắt: **VDB**

2. Ngân hàng Phát triển có trụ sở chính đặt tại Thủ đô Hà Nội, có Sở giao dịch, chi nhánh tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Văn phòng đại diện trong nước và nước ngoài.

3. Ngân hàng Phát triển có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài, được tham gia hệ thống thanh toán với các ngân hàng và cung cấp dịch vụ thanh toán theo quy định của pháp luật.

Điều 3.

1. Vốn điều lệ của Ngân hàng Phát triển là 5.000 tỷ đồng (năm nghìn tỷ đồng) từ nguồn vốn điều lệ hiện có của Quỹ Hỗ trợ phát triển.

Việc điều chỉnh, bổ sung vốn điều lệ tùy thuộc yêu cầu và nhiệm vụ cụ thể, bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng Phát triển và do Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Hoạt động của Ngân hàng Phát triển không vì mục đích lợi nhuận, tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng 0% (không phần trăm), không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi, được Chính phủ đảm bảo khả năng thanh toán, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Ngân hàng Phát triển có thời hạn hoạt động là 99 năm kể từ ngày Quyết định số 108/2006/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Phát triển Việt Nam có hiệu lực.

Điều 5. Hoạt động của tổ chức đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng Phát triển:

1. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong Ngân hàng Phát triển hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.



2. Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Ngân hàng Phát triển hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của Ngân hàng Phát triển

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN

Điều 6. Chức năng, nhiệm vụ của Ngân hàng Phát triển:

1. Huy động, tiếp nhận vốn của các tổ chức trong và ngoài nước để thực hiện tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu theo quy định của Chính phủ.
2. Thực hiện chính sách tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước theo quy định.
3. Nhận ủy thác quản lý nguồn vốn ODA được Chính phủ cho vay lại, nhận ủy thác, cấp phát cho vay đầu tư và thu hồi nợ của khách hàng từ các tổ chức trong và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận ủy thác giữa Ngân hàng Phát triển với các tổ chức ủy thác.
4. Cung cấp các dịch vụ thanh toán cho khách hàng và tham gia hệ thống thanh toán trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật.
5. Thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu.
6. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ giao.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Ngân hàng Phát triển:

1. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Chính phủ giao cho Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật và Điều lệ này,
2. Huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, vay vốn của các tổ chức tài chính, tín dụng, kinh tế xã hội theo quy định của pháp luật.
3. Được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại khác trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật, mở tài khoản cho khách hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
4. Bảo toàn vốn và được áp dụng các biện pháp bảo toàn vốn, chịu trách nhiệm về thất thoát vốn của Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật.
5. Thực hiện nhiệm vụ tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.

Ngân hàng Phát triển được quyền:

- a) Yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh dự án đầu tư, phương án kinh doanh khả thi, khả năng tài chính của khách hàng trước khi quyết định cho vay, bảo lãnh.
- b) Thẩm định và chịu trách nhiệm về việc thẩm định phương án tài chính, phương án kinh doanh, phương án trả nợ của khách hàng.
- c) Từ chối cho vay, hỗ trợ sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu các dự án, các khoản vay không đảm bảo các điều kiện theo quy định.



- d) Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng.
 - đ) Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước thời hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng, vi phạm pháp luật.
 - e) Khởi kiện khách hàng hoặc người bảo lãnh vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật;
 - f) Được xử lý rủi ro theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan.
 - g) Khi đến hạn trả nợ, nếu các bên không có thoả thuận khác mà khách hàng không trả được nợ thì Ngân hàng Phát triển được quyền phát mại tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.
6. Kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm bởi tổ chức kiểm toán độc lập, thực hiện công khai, minh bạch về hoạt động và tài chính của Ngân hàng Phát triển và chấp hành chế độ báo cáo thống kê với các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.
7. Ủy thác, nhận ủy thác trong hoạt động của ngân hàng và các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, cung ứng các dịch vụ tài chính, ngân hàng cho khách hàng theo quy định của pháp luật, các hoạt động khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN

Mục 1

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

Điều 8. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Phát triển:

1. Hội đồng quản lý.
2. Ban Kiểm soát.
3. Bộ máy điều hành, gồm:
 - a) Hội sở chính đặt tại Thủ đô Hà Nội.
 - b) Sở Giao dịch.
 - c) Chi nhánh, Văn phòng đại diện trong nước và nước ngoài.

Mục 2

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN

Điều 9. Hội đồng quản lý và thành viên Hội đồng quản lý:

1. Hội đồng quản lý có 05 thành viên, trong đó có thành viên chuyên trách và thành viên không chuyên trách. Chủ tịch, Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển là thành viên chuyên trách, thành viên kiêm nhiệm là lãnh đạo các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
2. Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, sau khi có ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan.



3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý là 05 năm. Hết nhiệm kỳ, thành viên Hội đồng quản lý có thể được bổ nhiệm lại.

4. Thành viên Hội đồng quản lý bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau:

- a) Bị Tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật.
- b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

c) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác.

d) Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản lý được thay thế trong những trường hợp sau:

- a) Xin từ chức.
- b) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.
- c) Không đảm bảo sức khỏe đảm nhận công việc.
- d) Có thành viên Hội đồng quản lý bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý:

1. Quản lý Ngân hàng Phát triển theo quy định tại Quyết định số 108/2006/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Điều lệ này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Quyết định kế hoạch phát triển, định hướng các hoạt động của Ngân hàng Phát triển.

3. Phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm của Ngân hàng Phát triển theo đề nghị của Tổng giám đốc.

4. Chấp thuận việc thành lập, chia, tách, sát nhập, hợp nhất, giải thể Sở Giao dịch, chi nhánh và văn phòng đại diện của Ngân hàng Phát triển ở trong nước và nước ngoài theo đề nghị của Tổng giám đốc.

5. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, gồm: Phó Tổng giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng giám đốc.

6. Thông qua quy hoạch và chấp thuận để Tổng giám đốc bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm các chức danh: Trưởng các Ban nghiệp vụ tại hội sở chính; Giám đốc các chi nhánh, sở giao dịch, văn phòng đại diện ở trong, ngoài nước.

7. Ban hành các văn bản quy định về:

- a) Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát;
- b) Các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng Phát triển, các văn bản hướng dẫn cụ thể thực hiện các quy định của Nhà nước theo thẩm quyền.

8. Giám sát, kiểm tra cơ quan điều hành trong việc thực hiện các quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước, Điều lệ của Ngân hàng Phát triển và các quyết định của Hội đồng quản lý.

9. Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát, xem xét báo cáo kết quả kiểm soát và báo cáo thẩm định quyết toán tài chính của Ban Kiểm soát

10. Thông qua báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính và quyết toán hàng năm của Ngân hàng Phát triển.



11. Báo cáo Bộ trưởng Bộ Nội vụ để trình Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản lý, Tổng giám đốc và các thành viên Hội đồng quản lý.
12. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:
 - a) Sửa đổi, bổ sung chính sách tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu.
 - b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển, sửa đổi bổ sung quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Phát triển.
13. Hội đồng quản lý được sử dụng bộ máy và con dấu của Ngân hàng Phát triển để thực hiện nhiệm vụ của mình.
14. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.
15. Chịu trách nhiệm về các quyết định của Hội đồng quản lý trước Thủ tướng Chính phủ.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý:

1. Chịu trách nhiệm về công việc của Hội đồng quản lý, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý.
2. Ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản có liên quan.
3. Ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý.
4. Thay mặt Hội đồng quản lý chấp thuận việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các cấp trưởng của các đơn vị thuộc và trực thuộc hệ thống Ngân hàng Phát triển trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển.
5. Triệu tập, chủ trì và phân công thành viên Hội đồng quản lý chuẩn bị nội dung các cuộc họp của Hội đồng quản lý.
Các văn bản do Chủ tịch Hội đồng quản lý ký sử dụng con dấu Ngân hàng Phát triển.
6. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản lý thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý về các công việc được ủy quyền.
7. Chủ tịch Hội đồng quản lý không được tham gia Hội đồng quản trị hoặc tham gia điều hành tổ chức tài chính, tín dụng khác trừ trường hợp tổ chức đó là đơn vị trực thuộc Ngân hàng Phát triển.

Điều 12. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý:

1. Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể, ba tháng họp một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý.
Khi cần thiết, Hội đồng quản lý có thể họp bất thường theo đề nghị của bất kỳ thành viên nào của Hội đồng quản lý.
2. Chủ tịch Hội đồng quản lý triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản lý, trường hợp vắng mặt, Chủ tịch ủy quyền cho một thành viên trong Hội đồng quản lý triệu tập và chủ trì cuộc họp.
3. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý được coi là hợp lệ khi có ít nhất 3/5 thành viên có mặt.

Các cuộc họp của Hội đồng quản lý được ghi thành biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản lý là căn cứ để Hội đồng quản lý ban hành nghị quyết và các văn bản theo quy định.



Nghị quyết của Hội đồng quản lý phải được trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý.

4. Đối với những công việc có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, các hội, các hiệp hội, các tổ chức phi Chính phủ không có thành viên tham gia Hội đồng quản lý thì mời đại diện có thẩm quyền của các tổ chức, cơ quan đó tham dự phiên họp. Đại diện của cơ quan này có quyền phát biểu nhưng không được tham gia biểu quyết.

Các phiên họp có nội dung công việc liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Ngân hàng Phát triển thì phải có đại diện Công đoàn tham dự.

5. Nghị quyết của Hội đồng quản lý có tính bắt buộc thi hành đối với Ngân hàng Phát triển và do Tổng giám đốc hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

6. Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển, Giám đốc Sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện có trách nhiệm cung cấp, báo cáo thông tin về hoạt động của Ngân hàng Phát triển theo quy chế do Hội đồng quản lý ban hành.

7. Các thành viên Hội đồng quản lý có trách nhiệm bảo vệ bí mật về thông tin theo quy chế bảo mật, kể cả khi đã thôi đảm nhiệm chức vụ hoặc chuyển đi cơ quan khác.

8. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý, kể cả tiền lương và phụ cấp cho các thành viên Hội đồng quản lý và bộ phận giúp việc Hội đồng quản lý được tính vào chi phí quản lý của Ngân hàng Phát triển.

Điều 13. Ban Kiểm soát:

1. Ban Kiểm soát có tối đa 07 thành viên chuyên trách, là các chuyên gia am hiểu về lĩnh vực tài chính, tín dụng, đầu tư..., hiểu biết về pháp luật, không có tiền án, tiền sự về các tội danh liên quan đến hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Hội đồng quản lý quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Các thành viên khác của Ban Kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát:

a) Kiểm tra việc chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật và Nghị quyết của Hội đồng quản lý.

b) Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng Phát triển.

c) Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính của Ngân hàng Phát triển khi xét thấy cần thiết để báo cáo Hội đồng quản lý, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan.

d) Báo cáo Hội đồng quản lý về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kê toán, báo cáo tài chính, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng Phát triển.

đ) Thông qua nhiệm vụ kiểm soát, kiến nghị với Hội đồng quản lý các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến hoạt động của Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật.

e) Được sử dụng hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ của Ngân hàng Phát triển để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

f) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác được giao.



4. Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát, kẽ cả tiền lương và phụ cấp cho các thành viên Ban Kiểm soát được tính vào chi phí quản lý của Ngân hàng Phát triển.

Mục 3 **TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC**

Điều 14. Điều hành hoạt động Ngân hàng Phát triển là Tổng giám đốc, giúp việc Tổng giám đốc có các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

Điều 15. Tổng Giám đốc là đại diện pháp nhân của Ngân hàng Phát triển, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, trước Thủ tướng Chính phủ và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của Ngân hàng Phát triển theo nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ này.

Điều 16. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng là người giúp Tổng giám đốc điều hành một số lĩnh vực hoạt động theo phân công của Tổng giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công.

Điều 17. Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Ngân hàng Phát triển là những người cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm, có trình độ chuyên môn, năng lực điều hành ngân hàng.

Điều 18. Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, sau khi có ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan.

Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Ngân hàng Phát triển do Hội đồng quản lý bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng Phát triển.

2. Điều hành hoạt động của Ngân hàng Phát triển, quyết định các vấn đề có liên quan đến các hoạt động của Ngân hàng Phát triển theo đúng pháp luật, nghị quyết của Hội đồng quản lý, chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của Ngân hàng Phát triển.

3. Quy định về phân cấp cho các đơn vị thuộc Ngân hàng Phát triển đối với các hoạt động tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước, hỗ trợ sau đầu tư, bảo lãnh và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

4. Quy định về lãi suất cho vay, lãi suất huy động vốn của Ngân hàng Phát triển theo quy định về tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.

5. Nhận vốn và các nguồn lực khác do Chính phủ giao.

6. Chấp thuận tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán các hoạt động của Ngân hàng Phát triển.

7. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh: Trưởng các Ban nghiệp vụ tại Hội sở chính, Giám đốc các chi nhánh, sở giao dịch, văn phòng đại diện ở trong, ngoài nước sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản lý



8. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh khác trong hệ thống, bao gồm:

a) Phó giám đốc Sở Giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng đại diện.

b) Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban chuyên môn nghiệp vụ tại Hội sở chính.

c) Các chức danh khác mà quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý quy định thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc.

9. Ban hành các văn bản quy định về:

a) Quy chế về tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện.

b) Quy định về tổ chức và hoạt động kiểm tra và kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật.

10. Trình Hội đồng quản lý:

a) Phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm của Ngân hàng Phát triển.

b) Báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển và Quy chế quản lý tài chính.

c) Thành lập, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể Sở Giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện Sở Giao dịch, chi nhánh và Văn phòng đại diện của Ngân hàng Phát triển.

d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

đ) Quy định về tỷ lệ hoa hồng, phí, mức tiền phạt đối với khách hàng theo quy định của pháp luật.

11. Đại diện pháp nhân cho Ngân hàng Phát triển trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, thanh lý, giải thể và trong quan hệ quốc tế liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Phát triển.

12. Trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố...), được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng quản lý.

13. Ký các văn bản, thoả ước, hợp đồng, chứng thư của Ngân hàng Phát triển trong công tác đối nội, đối ngoại theo quy định của pháp luật.

14. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình theo quy định của pháp luật.

15. Báo cáo Hội đồng quản lý và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Điều lệ này và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Phát triển.

16. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và qui định của Hội đồng quản lý.

Điều 20. Việc khen thưởng, kỷ luật đối với các tập thể, cá nhân của Ngân hàng Phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật.



Chương IV

VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN

Điều 21. Vốn hoạt động

1. Vốn điều lệ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
2. Vốn ngân sách nhà nước cấp bổ sung hàng năm cho mục tiêu tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu.
 3. Vốn ODA được Chính phủ giao để cho vay lại.
 4. Phát hành trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi.
 5. Nhận tiền gửi ủy thác của các tổ chức trong và ngoài nước.
 6. Vay của Công ty dịch vụ tiết kiệm bưu điện, Quỹ Bảo hiểm xã hội và các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước.
 7. Vốn đóng góp tự nguyện không hoàn trả của các cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính, tín dụng và các tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội, các hội, các tổ chức trong và ngoài nước.
 8. Vốn nhận ủy thác, cấp phát cho vay đầu tư và thu hồi nợ của khách hàng từ các tổ chức trong và ngoài nước thông qua Hợp đồng nhận ủy thác giữa ngân hàng Phát triển với các tổ chức ủy thác.
 9. Các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Sử dụng vốn

- Ngân hàng Phát triển được sử dụng vốn để:
1. Thực hiện chính sách tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước:
 - a) Cho vay đầu tư phát triển.
 - b) Hỗ trợ sau đầu tư.
 - c) Bảo lãnh tín dụng đầu tư.
 - d) Cho vay các dự án đầu tư ra nước ngoài theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 2. Thực hiện chính sách tín dụng xuất khẩu:
 - a) Cho vay bên bán.
 - b) Cho vay bên mua.
 - c) Bảo lãnh tín dụng xuất khẩu.
 - d) Bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
 3. Đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản của Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật.
 4. Cấp phát ủy thác, cho vay ủy thác theo yêu cầu của bên ủy thác.



Chương V

TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN, BÁO CÁO VÀ KIỂM TOÁN

Mục 1 TÀI CHÍNH

Điều 23. Chế độ tài chính

1. Ngân hàng Phát triển là đơn vị hạch toán tập trung toàn hệ thống; tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước pháp luật, thực hiện bảo tồn và phát triển vốn, bù đắp chi phí và rủi ro hoạt động tín dụng. Quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng Phát triển do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Ngân hàng Phát triển có trách nhiệm cân đối vốn và nhu cầu vốn để thực hiện chính sách tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước. Việc huy động vốn với lãi suất thị trường để cho vay phải đảm bảo nguyên tắc chỉ huy động khi đã sử dụng tối đa các nguồn vốn lãi suất thấp.

3. Ngân hàng Phát triển được Nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý đối với hoạt động tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu quy định tại Quy chế quản lý tài chính.

4. Chủ tịch Hội đồng quản lý, Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của Ngân hàng Phát triển.

Mục 2

HẠCH TOÁN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TOÁN

Điều 24. Chế độ kế toán, thống kê

1. Ngân hàng Phát triển thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng Phát triển thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán theo quy định của Nhà nước.

3. Năm tài chính của Ngân hàng Phát triển bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 25. Chế độ báo cáo tài chính

1. Ngân hàng Phát triển thực hiện chế độ báo cáo tài chính, chế độ thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo.

Điều 26. Kiểm toán

1. Trong thời gian 6 tháng, kể từ khi kết thúc năm tài chính, Ngân hàng Phát triển phải nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập.

2. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng Phát triển Việt Nam phải được lựa chọn thông qua đấu thầu. Việc kiểm toán các hoạt động của Ngân hàng Phát triển được thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và Điều lệ này.



Chương VI

THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN

Điều 27. Ngân hàng Phát triển được trao đổi thông tin về hoạt động ngân hàng và khách hàng với các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước và nước ngoài.

Điều 28.

1. Cán bộ, nhân viên của Ngân hàng Phát triển và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật các thông tin về hoạt động của Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng Phát triển được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tài sản của khách hàng và hoạt động của Ngân hàng Phát triển, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ do Hội đồng quản lý Ngân hàng Phát triển báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Chủ tịch Hội đồng quản lý, Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này.



CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Chế độ kế toán áp dụng trong niên độ kế toán 2004 là chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 162/1999/QĐ-BTC ngày 24/12/1999 và sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 99/2001/QĐ-BTC ngày 02/10/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chế độ kế toán áp dụng trong niên độ kế toán 2005, 2006 là chế độ kế toán được ban hành theo Quyết định số 78/2003/QĐ-BTC ngày 29/5/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Đồng tiền hạch toán: đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá tương ứng với từng nghiệp vụ. Kế toán theo dõi nguyên tệ được phản ánh duy nhất trên tài khoản ngoại bảng bao gồm: Ngoại tệ hiện có, ngoại tệ vốn ODA Chi nhánh đã cho vay, ngoại tệ vốn ODA chủ đầu tư chưa nhận nợ, ngoại tệ vốn ODA chủ đầu tư nhận nợ trước...

Số dư tiền gửi ngoại tệ cuối mỗi tháng được đánh giá lại theo tỷ giá ngoại tệ được Bộ Tài chính thông báo hàng tháng.

4. Phương pháp hạch toán kế toán: kết hợp giữa kế toán dồn tích và kế toán theo dòng tiền.

Thu nhập từ lãi cho vay hạch toán theo phương pháp thực thu, chi phí lãi vay/huy động vốn phải trả hạch toán theo phương pháp thực chi (kế toán theo dòng tiền).

Đối với các phần hành kế toán khác, tuân thủ phương pháp kế toán dồn tích.

5. Phương pháp kế toán tài sản cố định:

Tài sản cố định được quản lý, sử dụng và trích khấu hao theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

6. Hình thức kế toán áp dụng: kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của hình thức kế toán Nhật ký chung.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Chú thích	2004	2005	2006
A - TÀI SẢN				
Tiền mặt	1	2.519	4.198	5.999
Tiền gửi	2	7.002.415	9.960.674	13.426.148
Tài sản trong hoạt động nghiệp vụ	3	94.816.836	89.096.201	96.196.730
Các khoản phải thu	4	1.469.115	3.458.535	5.212.277
Tài sản cố định	5	251.223	263.016	333.806
Tài sản có khác	6	47.338	78.416	60.250
Tổng tài sản		103.589.448	102.861.040	115.235.210
B – NGUỒN VỐN				
Tiền gửi của KBNN, TCTC, TCTD	7	0	234.975	1.428.608
Tiền gửi của khách hàng	8	3.656.710	6.967.711	5.594.776
Vay NSNN, TCTC, TCTD	9	63.117.477	23.825.144	23.193.210
Vốn uỷ thác đầu	10	0	45.677.453	49.266.881
Phát hành giấy tờ có giá	11	13.368.000	16.503.000	25.753.000
Các khoản phải trả, phải nộp	12	16.190.243	2.278.989	2.035.282
Tài sản Nợ khác	13	283.383	617.399	760.340
Vốn của NHPT	14	5.605.460	5.278.833	5.387.927
Quỹ của NHPT	15	911.464	678.834	1.016.952
Kết quả hoạt động chưa phân phối	16	456.711	798.702	798.234
Tổng Nguồn vốn		103.589.448	102.861.040	115.235.210



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Chú thích	2004	2005	2006
Thu lãi cho vay	17	1.341.586	1.637.511	1.866.580
Thu lãi tiền gửi	18	502.757	312.614	690.061
Thu ngoài lãi	19	1.095.800	1.604.934	1.905.776
Tổng thu nhập		2.940.143	3.555.059	4.462.417
Chi trả lãi tiền vay	20	1.360.437	1.444.466	1.618.999
Chi trả lãi tiền gửi	21	122.965	203.289	497.066
Chi trả lãi phát hành giấy tờ có giá	22	692.155	1.230.413	1.486.949
Chi ngoài lãi	23	308.524	334.829	404.783
Tổng chi phí		2.484.081	3.212.997	4.007.797
Chênh lệch thu chi		456.062	342.062	454.620

CHÚ THÍCH TÀI CHÍNH

1. Tiền mặt

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Tiền mặt	2.519	4.198	5.999
Tiền mặt tại quỹ	2.519	4.198	5.999

2. Tiền gửi

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Tiền gửi	7.002.415	9.960.674	13.426.148
Tiền gửi tại NHNN	-	54.665	20.108
Tiền gửi tại các TCTD	-	9.906.009	13.406.040
+ Tiền gửi không kỳ hạn	-	2.369.735	2.956.283
+ Tiền gửi có kỳ hạn	-	7.536.274	10.449.757



3.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Tài sản trong hoạt động nghiệp vụ	94.816.836	89.096.201	96.196.730
Cho vay NHHTXK	1.899.646	2.754.491	2.384.026
Trong đó:			
+ Quá hạn	50.737	55.434	103.088
+ Khoanh nợ	0	0	0
Cho vay chương trình đặc biệt của Chính phủ	1.032.088	1.437.746	1.632.974
Trong đó:			
+ Quá hạn	0	0	0
+ Khoanh nợ	0	0	0
Cho vay trung, dài hạn tín dụng đầu tư	37.344.045	40.193.902	44.370.434
Trong đó:			
+ Quá hạn	1.220.323	1.726.084	3.286.365
+ Khoanh nợ	731.634	783.146	353.024
Cho vay nhà nhập khẩu	0	0	0
Trong đó:			
+ Quá hạn	0	0	0
+ Khoanh nợ	0	0	0
Cho vay lại vốn ODA	36.462.399	42.049.781	44.760.591
Trong đó:			
+ Quá hạn	151.259	206.080	193.481
+ Khoanh nợ	5.480	68.925	2.865
Cho vay ủy thác (NSDP&KWF & TCTCQT)	1.597.855	2.523.548	2.995.476
Trong đó:			
+ Quá hạn	18.720	35.741	94.284
+ Khoanh nợ	2.238	3.852	6.849



ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Cho vay khác (TTNR+CV khác)	835.331	136.733	53.229
Trong đó:			
+ Quá hạn	3.850	3.733	3.229
+ Khoanh nợ	0	0	0
Bảo lãnh, tái bảo lãnh	0	0	0
Cấp HT LS SĐT tín dụng đầu tư	170.841	0	0
Cấp phát vốn ủy thác	15.442.296	0	0
Cấp HT LS SĐT tín dụng xuất khẩu	32.334	0	0
Nợ vay chờ xử lý	0	0	0

4.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Các khoản phải thu	1.469.115	3.458.535	5.212.277
Nợ phải thu	451.469	433.013	1.238.339
+ Chờ NSNN cấp bù CLLS & phí QL	446.625	431.183	1.077.079
+ Phải thu khác	4.844	1.830	161.260
Phải thu trong hoạt động thanh toán (gồm: số chờ ghi thu ghi chi, số trả Bộ Tài chính vốn ODA chưa tất toán...)	1.016.902	3.024.790	3.967.441
Tạm ứng	744	732	6.497



5.

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Tài sản cố định	251.223	263.016	333.806
Tài sản cố định hữu hình	235.973	240.600	246.481
Nguyên giá	386.398	422.284	453.528
Hao mòn luỹ kế	-150.425	-181.684	-207.047
Tài sản cố định thuê tài chính	0	0	0
Nguyên giá	0	0	0
Hao mòn luỹ kế	0	0	0
Tài sản cố định vô hình	15.250	22.416	87.325
Nguyên giá	19.019	27.709	94.423
Hao mòn luỹ kế	-3.769	-5.293	-7.098

6.

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Tài sản Có khác	47.338	78.416	60.250
+ Đầu tư tài chính	2.000	3.000	3.000
+ Vật liệu, dụng cụ	112	108	77
+ Chi phí XDCB DD	44.723	74.188	56.691
+ Chi phí trả trước	503	1.120	482

7.

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Tiền gửi của KBNN, TCTC,TCTD	0	234.975	1.428.608
Tiền gửi của KBNN, TCTC,TCTD bằng VND	0	234.975	1.428.608
Tiền gửi của KBNN, TCTC,TCTD bằng ngoại tệ	0	0	0



8.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Tiền gửi của khách hàng	3.656.710	6.967.711	5.594.776
Tiền gửi của khách hàng trong nước bằng VNĐ	3.656.710	6.939.385	5.594.776
Tiền gửi của khách hàng trong nước bằng ngoại tệ	0	28.326	0
Tiền gửi của khách hàng nước ngoài bằng ngoại tệ	0	0	0

9.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Vay NSNN, TCTC, TCTD	63.117.477	23.825.144	23.193.210
Vay NSNN	0	7.113.021	7.307.340
Vay TCTC, TCTD trong nước	24.418.602	16.712.123	15.885.870
Vay TCTC, TCTD ở nước ngoài	38.698.875	0	0

10.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Vốn uỷ thác đầu tư	0	45.677.453	49.266.881
Nhận vốn ODA cho vay lại	0	44.785.616	48.415.143
Chênh lệch tỷ giá vốn ODA	0	354.416	303.902
Vốn uỷ thác HTSĐT NSTW	0	-103.517	-120.124
Vốn uỷ thác HTSĐT NSDP	0	559	0
Vốn uỷ thác cấp phát	0	91.546	102.826
Vốn uỷ thác cho vay	0	548.833	565.134



11.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Phát hành giấy tờ có giá	13.368.000	16.503.000	25.753.000
<i>Phát hành tín phiếu, trái phiếu bằng VNĐ</i>	<i>13.368.000</i>	<i>16.503.000</i>	<i>25.753.000</i>
Mệnh giá trái phiếu	13.368.000	16.503.000	25.753.000
Phụ trội trái phiếu	0	0	0
Chiết khấu trái phiếu	0	0	0
<i>Phát hành tín phiếu, trái phiếu bằng ngoại tệ</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Mệnh giá trái phiếu	0	0	0
Phụ trội trái phiếu	0	0	0
Chiết khấu trái phiếu	0	0	0

12.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Các khoản phải trả, phải nộp	16.190.243	2.278.989	2.035.282
Nợ phải trả	104.468	1.959.362	2.012.474
+ Phải trả lãi tiền gửi, tiền vay, lãi trái phiếu	2.516	583	0
+ Phải trả lãi, phí vốn nhận ủy thác cho vay	0	3.117	2.745
+ Phải trả người bán	6.800	2.675	2.726
+ Phải trả CBVC	58.313	72.850	70.762
+ Phải nộp Nhà nước (gồm: vốn ODA chưa đến kỳ trả Bộ Tài chính, phải nộp nhà nước khác)	13.541	1.836.955	1.919.199
+ Phải trả, phải nộp khác	23.298	43.182	17.042
Phải trả trong hoạt động thanh toán	16.085.775	319.627	22.808
+ Phải trả trong hoạt động thanh toán	362.203	319.627	22.808
+ Phải trả về vốn nhận ủy thác	15.723.572	0	0



13.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Tài sản Nợ khác	283.383	617.399	760.340
+ Tiền tạm giữ chờ thanh toán	0	172.270	163.626
+ Nhận ký cược, ký quỹ	283.383	118.090	123.596
+ Quỹ DPRR	0	327.039	473.118

14.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Vốn của NHPT	5.605.460	5.278.833	5.387.927
Vốn điều lệ / vốn hoạt động	5.197.028	5.253.648	5.361.205
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	11.149	10.322	10.110
Vốn khác	397.283	14.863	16.612

15.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Quỹ của NHPT	911.464	678.834	1.016.952
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	0	0	0
Quỹ đầu tư phát triển	663.989	616.732	927.053
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	247.475	62.102	89.899

16.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Kết quả hoạt động chưa phân phôi	456.711	798.702	798.234
Kết quả hoạt động chưa phân phôi năm trước	649	456.640	343.614
Kết quả hoạt động chưa phân phôi năm nay	456.062	342.062	454.620



17.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Thu lãi cho vay	1.341.586	1.637.511	1.866.580
Thu lãi cho vay HTXK ngắn hạn	109.476	141.144	157.573
Thu lãi cho vay trung dài hạn	1.200.442	1.441.998	1.675.290
+ Thu lãi cho vay TD ĐT trung dài hạn	1.088.414	1.324.183	1.558.759
+ Thu lãi cho vay HTXK trung dài hạn	112.028	117.815	116.531
Thu lãi cho vay chương trình đặc biệt của Chính phủ	0	10.258	22.726
Thu lãi cho vay khác	31.668	44.111	10.991

18.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Thu lãi tiền gửi	502.757	312.614	690.061
Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	-	44.467	116.677
Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	268.147	573.384

19.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Tổng thu ngoài lãi	1.095.800	1.604.934	1.905.776
Thu cấp bù CLLS và phí quản lý (bao gồm cả phí quản lý vốn ODA)	1.089.435	1.462.621	1.683.724
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	136	117	90
Thu phí dịch vụ thanh toán	2.028	1.848	1.616
Thu phí dịch vụ ngân quỹ	1	0	0
Thu từ nghiệp vụ uỷ thác	1.490	129.416	206.616
Thu từ các dịch vụ/ hoạt động khác	1.569	0	0
Các khoản thu nhập khác	1.141	10.932	13.730

20.

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Chi trả lãi tiền vay	1.360.437	1.444.466	1.618.999
Chi trả lãi tiền vay ngắn hạn	-	242.117	247.828
Chi trả lãi tiền vay trung và dài hạn	-	1.202.349	1.370.145
Chi trả lãi vay phí cam kết DN vừa và nhỏ	-	0	1.026

21.

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Chi trả lãi tiền gửi	122.965	203.289	497.066
Chi trả lãi tiền gửi KKH vốn huy động	-	17.321	42.082
Chi trả lãi tiền gửi KKH vốn khác	-	6.203	5.439
Chi trả lãi tiền gửi CKH vốn huy động	-	179.764	449.545
Chi trả lãi tiền gửi CKH vốn khác	-	1	0

22.

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Chi trả lãi phát hành giấy tờ có giá	692.155	1.230.413	1.486.949
Chi trả lãi trái phiếu	692.155	1.230.413	1.486.949

23.

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2004	2005	2006
Tổng chi phí ngoài lãi	308.524	334.829	404.783
Chi khác về huy động vốn	15.886	8.343	19.760
Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	1.453	3.128	3.564
Chi hoạt động khác	490	344	449
Chi phí cho nhân viên	100.747	136.897	169.025
Chi hoạt động quản lý và công vụ	57.438	59.712	73.057
Chi khấu hao TSCĐ	42.884	38.004	35.986
Chi dự phòng	74.945	84.913	100.755
Chi phí khác	14.681	3.488	2.187



DECISION NO: 108/2006/QD/TTg, MAY 19th 2006

On establishment of Vietnam Development Bank

PRIME MINISTER

Pursuant to Law on Organization of Government dated December 25th 2001.

Pursuant to Law on State Budget dated December 16th 2002.

Pursuant to Law on Credit Institutions dated December 12th 1997, Laws on Revision and Supplementation to some Articles of Laws on Credit Institutions dated June 15th 2004.

Pursuant to Resolution No 06/2006/NĐ-CP dated May 4th 2006 of the Government on regular meeting of April 2006.

Considering the proposal made by Minister of Finance,

DECIDES

Article 1. To establish the Vietnam Development Bank (hereinafter referred to as Development Bank) base on reorganization of the Development Assistance Fund (established under Decree No 50/1999/NĐ-CP dated July 8th 1999) in order to carry out development investment and export credit policy of the State.

Name for international business transactions: The Vietnam Development Bank

Abbreviation: **VDB**

The Development Bank is a legal entity, having its registered capital, balance sheet, seal and is allowed to open account at the State Bank of Vietnam, the State Treasury, domestic and foreign commercial banks, to access the inter-bank settlement system and to provide business settlement service in conformity with the laws. The Development Bank shall inherit all rights and responsibilities from the Development Assistance Fund.

Article 2. The Development Bank operates based on non-profit principle, with compulsory ratio of reserve equal to 0% (zero percent), and is not required for deposit insurance.

The Development Bank is guaranteed by the Government for its solvency, and exempted from tax and other payments to State Budget as regulated by laws.

Registered capital of the Development Bank is 5,000 billions VND (five thousand billions Vietnamese Dong) taken from the existing registered capital of the Development Assistance Fund.



Base Adjustment and complement for its registered capital shall be upon specific situation and duty as well as the assurance of CAR of Development Bank, Prime Minister may decide the adjustment and replenishment of its register capital.

Organization and operation of the Development Bank shall conform to regulations in this Decision and its Charter approved by the Prime Minister.

The Development Bank shall operate for 99 years since the Decision comes into effect.

Article 3. Sources of funds for the Development Bank's operation

1. Funds from the State Budget

a) Subscribed capital of the Vietnam Development Bank

b) Additional capital from the State Budget allocated for projects based on annual plans

c) ODA funds delegated by the Government

2. Mobilizing funds

a) Issuing bonds and deposit certificates as per regulations by laws.

b) Borrowings from the Postal Savings and Social Insurance Funds, other domestic and foreign financial/ credit institutions.

3. Receiving trust funds from domestic and foreign organizations.

4. Non refundable contributions from individuals, economic, financial, credit and socio-political organizations, associations, domestic and foreign organizations.

5. Trust funds for grant and/ or lending from local authorities, economic and socio-political organizations, associations, local residents and foreigners, domestic and foreign organizations.

6. Other sources in conformity with the laws.

Article 4. Functions and responsibilities of the Development Bank

1. Mobilizing and receiving funds from domestic and foreign organizations for the implementation of the State's development investment assistance and export credit policies conforming to regulations of the Government;

2. Implementing development investment assistance policy

a) Investment lending

b) Post-investment subsidy

c) Credit guarantee

3. Export credit

a) Export lending

b) Issuing guarantee for export credit

c) Issuing bid bonds and performance bonds for export contracts

4. Managing ODA on-lending funds delegated by the Government, and receiving trust funds for grants and/ or investment lending and collecting debts from clients in accordance to the signed entrusted contracts between the Development Bank and domestic and foreign institutions.

5. Entrusting to financial/ credit institutions to carry out credit functional activities of the Development Bank.

6. Providing settlement service to clients and taking part in the domestic and international inter bank settlement systems in order to execute every operational activities of the Development Bank in conformity with the laws.



7. Developing international cooperation in fields of development investment credit and export credit.
8. Undertaking other tasks as assigned by the Prime Minister.

Article 5. Organization of the Development Bank:

1. Organization of the Development Bank includes:

- a) Board of Management
- b) Supervising Board
- c) Executive apparatus includes:
 - Headquarter located in Hanoi
 - Transaction center, branches, representative offices at home and abroad.

Responsibilities, power and organizational structure of the Board of Management, Supervising Board and Executive apparatus of the Development Bank shall conform to regulations stipulated in the Charter on organization and operation of the Development Bank, approved by the Prime Minister.

2. The Development Bank shall set up its local management and executive apparatus in provinces and centrally-governed cities appropriately in order to meet specific demands and business scopes as well as ensure an effective and efficient organization.

Article 6. Appointment of managerial positions in the Development Bank:

The appointment and dismissal of members of Board of Management and General Director shall be decided by the Prime Minister based on proposal made by Minister of Internal Affairs after considering opinions of Minister of Finance and relevant ministries and agencies.

2. The Board of Management shall decide the appointment and dismissal of Deputy General Directors, Head of Supervising Board and Chief Accountant.

3. The appointment and dismissal of other positions shall be decided by General Director.

Article 7. Regulations on financial management of the Development Bank shall be decided by the Prime Minister based on proposal of Minister of Finance.

Article 8. Responsibilities and power of State's managing agencies, local authorities and relevant institutions in relation to the Development Bank

1. Ministry of Finance:

a) Submit to authorized agencies or within its authority, promulgate development investment credit and export credit policies of the State, and instruct the enforcement of the Regulations on financial management of the Development Bank.

b) Submit to the Prime Minister for decision on revision and supplementation of the Charter on organization and operation, and Regulations on financial management of the Development Bank.

c) Control, supervise and inspect operational activities of the Development Bank; Supervise the management and utilization of State's funds and assets delivered or delegated by the Ministry of Finance to on-lend and collect debts for reimbursement to the State Budget.

d) Instruct the execution of accounting regime by the Development Bank



e) Be the focal point to settle general and inter-ministerial issues in relation to the Development Bank before submitting to the Prime Minister for decision.

2. State Bank of Viet Nam:

a) Direct the Development Bank to carry out professional functions in development investment credit and export credit.

b) Control the Development Bank in conducting its functional activities in conformity with the laws.

3. Ministry of Planning and Investment

Take responsibilities within its power and managerial functions in development investment credit and export credit activities.

4. Ministry of Trade

Take responsibilities within its power and managerial functions in State's policy on export credit.

5. Ministry of Internal Affairs

a) Review candidacy for positions as Chairman and members of Board of Management, General Director of the Development Bank before submitting to the Prime Minister for decision;

b) Direct the Development Bank to enforce properly policies and regulations on human resource management and training.

6. Ministry of Labour, War Invalids and Social Affairs

a) Direct the Development Bank to enforce policies and regulations on human resource, salary and allowances.

b) Control and supervise the Development Bank in its implementation of Prime Minister's decisions on regulations of salary and allowance for civil servants and employees of the Development Bank.

7. Relevant ministries and agencies

Relevant ministries and agencies shall implement State's managing functions to the Development Bank within their powers and functions

Article 9. The Decision comes into effect 15 days after the date of its issuance in the Official Gazette.

Article 10. Ministers, Heads of Ministerial-level agencies, Head of Government's Bodies, Chairpersons of People's Committees of provinces and centrally-managed cities, Chairperson of the Board of Management and General Director of the Vietnam Development Bank are responsible for the enforcement this Decision./.

PRIME MINISTER
Signed and sealed

Phan Van Khai



DECISION NO: 110/2006/QD-TTg, MAY 19th 2006
On approval of the Charter of Organization and Operation
of the Vietnam Development Bank

PRIME MINISTER

Pursuant to Law on Government organization dated December 25th, 2001.

Pursuant to Law on State budget dated December 16th, 2001.

Pursuant to Law on Credit Institutions dated December 12th, 1997, Law on Revision and Supplementation to some Articles of Law on Credit Institutions dated June 15th, 2004.

Pursuant to Governmental Decree No. 86/2002/NĐ-CP dated November 5th, 2002 stipulating function, mission, jurisdiction and organization of Ministries, Ministry- leveled agencies.

Pursuant to Governmental Resolutions No. 06/2006/NQ-CP dated May 4th, 2006 on Government's regular meeting of April, 2006.

Considering the proposal made by Minister of Finance,

DECIDES

Article 1. To approve the Charter on Operation and Organization of the Vietnam Development Bank as attached to this Decision.

Article 2. The Decision comes into effect after 15 days, since the date of its issuance in Official Gazette. The Prime Minister's Decision No. 231/1999/QD-TTg dated December 17th, 1999 on approval of Charter on Operation and Organization of the Development Assistance Fund is abrogated.

Article 3. Ministers, Heads of Ministry- leveled agencies, Heads of Government's Agencies, Chairpersons of People's Committee of Provinces and centrally-governed cities, Board of Management and General Director of Vietnam Development Bank are responsible for the implementation of this Decision./.

PRIME MINISTER
Signed and sealed

Phan Van Khai



CHARTER

Organization and operation of Vietnam Development Bank (Promulgated in conjunction with Decision No. 110/2006/QD-TTg dated May 19, 2006 of Prime Minister)

Chapter I GENERAL PROVISION

Article 1. The Vietnam Development Bank (hereunder referred to as Development Bank) is founded by Decision No. 108/2006/QD-TTg dated May 19, 2006 of Prime Minister to perform State development investment credit and export credit policy of under Government's regulations.

Article 2.

1. Name:

Vietnamese name: Ngân hàng Phát triển Việt Nam

International business name: The Vietnam Development Bank

Abbreviated name is VDB.

2. VDB has its head office in Hanoi Capital city, Operation Center, branches in provinces and centrally-governed cities, domestic and abroad representative office.

3. VDB is a legal entity, having its registered capital, its own stamp. VDB is allowed to open account at State Bank of Vietnam, State Treasury, domestic and foreign commercial banks, to join settlement system with banks and to provide payment service in line with regulation of the Law.

Article 3.

1. Registered capital of VDB is 5,000 billions VND (five thousand billions VND) taken from existing registered capital of Development Assistance Fund.

Depends on specific requirement and capital adequacy ratio of VDB, Prime Minister may decide the adjustment and replenishment of the registered capital.

2. VDB is not profit - optimized bank, its compulsory reserve ratio is 0% (zero percent) and is unforced to engage to deposit insurance. VDB is exempt from taxes and other payments to State budget as required by the Law. Government guarantees VDB's solvency.

Article 4. Operation term of VDB is 99 years since the effective date of Decision 108/2006/QD-TTg of Prime Minister on establishment of VDB.

Article 5. Activities of Communist Party's organization and social-political organizations inside VDB:

1. Communist Party's body inside VDB works in line with Constitution and Law of S.R.Vietnam and regulations of Vietnam Communist Party.

2. Trade Union and other social-political organizations inside VDB shall work under Constitution and Law of S.R.Vietnam and Charter of VDB.



Chapter II

FUNCTIONS, MISSIONS, RESPONSIBILITIES AND POWER OF VDB

Article 6. Functions and missions of VDB:

1. Mobilizes, receives fund of domestic and foreign institutions to realize development investment credit and export credit under Government's regulations.
2. Executes development investment credit and export credit policy of State as provided.
3. Manages the on - lending ODA of Government, take entrustment of domestic and foreign institutions for lending, fund disbursement and repayment collection via Entrust agreement.
4. Provides settlement service for customer and participate domestic and international settlement system in line with regulations of the Law.
5. Conducts international cooperation affair in area of development investment credit and export credit
6. Performs other tasks as assigned by the Prime Minister

Article 7. Responsibilities and power of VDB

1. Manages, uses capital and assets given by the Government in line with regulations of the Law and this Charter.
2. Raises fund by issuing bond, promissory notes, deposit certificate, borrowings from credit, financial, social-economic institutions as regulated by the Law.
3. Opens deposit account at State Bank of Vietnam, State Treasury and domestic and foreign commercial banks as regulated by the Law, opens account for its local and foreign customer as regulated by the Law.
4. Assures its capital and takes measures to assure capital, be responsible for the loss of VDB's capital as regulated by the Law.
5. Performs its mission of development investment credit and export credit as provided by this Charter and related laws.

VDB is empowered to:

- a) Request customer to submit document for proving investment project, feasible business plan, financial capacity prior to making its loan approval or guarantee
- b) Appraise and be responsible for its evaluation on financial plan, business plan and repayment plan of customer.
- c) Reject lending, post-investment support, investment credit and export credit guarantee of unqualified project, loan application as regulated.
- d) Supervise and monitor the loan using and repayment of clients.
- e) Terminate the loan, retrieve the debt before maturity date upon discovery of its client submitting untrue information, violating credit agreement and law.
- f) Sue its client or guarantor for violating agreement as regulated by the Law.
- g) Settle the risk in line with regulations of this Charter and related laws
- h) On the due date, unless other negotiation is made, if the client fails to repay the loan, VDB has the right to sell out loan-secured assets to cover the loan as regulated by the Law.



6. Has audited VDB's annual financial statements by independent audit firms, realize disclosure, transparency of VDB's operation and finance and submit statistic reports to competent agencies as regulated.

7. Entrust and accept entrustment on operation of the bank and banking activities, provide financial, banking services to customer legally, other operations as decided by the Prime Minister.

Chapter III **ORGANIZATION STRUCTURE AND MANAGEMENT APPRATUS OF VDB**

Part 1

ORGANIZATION STRUCTURE AND EXECUTIVE MANAGEMENT APPRATUS

Article 8. Organization structure of VDB:

1. Board of Management
2. Supervising Board
3. Executive apparatus, includes:
 - a. Headquarter located in Hanoi.
 - b. Operations center.
 - c. Branches, representative offices in domestic and aboard.

Part 2

BOARD OF MANAGEMENT OF VDB

Article 9. The Board of Management and members:

1. The Board of Management has 5 members, including full-time members and part-time members. Chairman of Board of Management and General Director of Vietnam Development Bank are full-time members. Part-time members are leaders of Ministry of Finance, Planning and Investment and State Bank of Vietnam.

2. The Prime Minister appoints and dismiss member of the Board of Management base on the proposal of Minister of Internal Affairs, after receiving opinion of Minister of Finance and relevant agencies.

3. Office term of the Board of Management's member is 5 years. They can be re-appointed.

4. Member of the Board of Management will be dismissed in following cases:

- a. Being convicted by Court's sentence or decision that has come into effect.
- b. Being incapable and unqualified to undertake the assignment, loss of civil capacity or less of civil capacity.
- c. Not honest in implementing the mission, right or to make corrupt use of their position and rights to benefit themselves or other person.
- d. Violating the law and this Charter.



5. The member of the Board of Management will be replaced in following cases:
 - a. Resignation from office
 - b. Having decision of being transferred or changed to another post
 - c. Not being in good health to undertake assignment.
 - d. Dismissal as provided in item 4 of this Article.

Article 10. Power and missions of the Board of Management:

1. To manage the VDB in compliance with stipulations of the Decision No.108/2006/QD-TTg dated May 19th 2006 of the Prime Minister on the establishment of VDB, this Charter and other related regulations.
2. To decide development plan, orientations of the VDB
3. To approve the VDB's yearly business plan base on the proposal of General Director
4. To ratify the establishment, division, separation, mergence, dissolution of operations center, branches and representative offices in domestic and aboard base on the proposal of General Director.
5. To decide appointment or dismissal for the VDB's management titles, including Deputy General Director, Head of Supervising Board, Chief Accountant base on the proposal of General Director.
6. To ratify appointment scheme and to ratify General Director's appointment or dismissal of: Director of Department at the Head Office, Director of branches, operations centers, domestic and abroad representative office.
7. To issue documents on:
 - a. General Regulations on Operation of Board of Management and Supervising Board.
 - b. General Regulations on professional operations of VDB, guidance documents in details to implement the State regulations.
8. To examine, supervise the executive apparatus in implementing the Government's regulations on development investment credit, export credit of the State, Charter of VDB and related decisions of Board of Management.
9. To approve the Supervising Board's activity plan, consider the Supervising Board's control result report and financial liquidation appraising report.
10. To approve annual performance report, financial statement and cleared - balance sheet of VDB.
11. To report to Minister of Internal Affairs for submitting to the Prime Minister to appoint, dismiss the Chairperson of Board of Management, General Director and members of Board of Management.
12. To make proposal to Minister of Finance for submitting to the Government, the Prime Minister:
 - a. To amend, supplement development investment credit policy and export credit policy.
 - b. To amend, supplement the Charter on operation and organization of VDB, to amend, supplement the General Regulation of Financial management of VDB.
13. The Board of Management has rights to use VDB's organization system and stamp to fulfil its tasks.
14. To fulfil the other rights and missions in accordance with the law.



15. To be responsible before the Prime Minister for the Board of Management's decisions.

Article 11. Power and mission of Chairperson of the Board of Management:

1. To be responsible for the Board of Management's activities, to organize, assign mission to the members in order to realize power and mission of the Board of Management.

2. To sign document under competence of Board of Management's for submitting to Prime Minister, Minister of Finance and relevant agencies in accordance to this Charter and related documents.

3. To sign resolutions, decisions and the other documents belong to the Board of Management's authority.

4. On behalf of Board of Management, to ratify the appointment, dismissal of Director of VDB's affiliate and subordinate base on the proposal of General Director.

5. To convene, preside over and assign the members of the Board of Management to prepare contents of its meeting.

All of the documents signed by the Chairperson of the Board of Management are sealed by VDB's stamp

6. If necessary, the Chairperson of Board of Management may authorize member of Board of Management to perform some of his her missions and power. Authorized member is responsible before the Chairperson of Board of Management for the authorized tasks.

7. The Chairperson of Board of Management is not allowed to participate the Board of Management or participate administration of other financial, credit institutions unless such organizations are VDB's affiliates.

Article 12. Working regime of the Board of Management

1. Board of Management work on the collective regime, quarterly meets to consider and decide issues belonging to the Board of Management's power and missions.

If necessary, the Board of Management shall call on extraordinary meeting as proposed by any member of Board of Management.

2. Chairperson of Board of Management convene and preside over the meetings of the Board of Management, in case of absence, Chairman authorizes a member of Board of Management to convene and preside over the meeting.

3. The meeting of the Board of Management is considered as legal with presence of at least 3/5 members.

The contents of the meeting shall be written in minutes. The minutes shall be basis for the Board of Management to issues Resolutions and other documents.

Resolution of Board of Management must be passed by more than 50% of members' votes. In case vote result is equal, the final decision shall be on the Chairperson's vote.

4. For the issues related to state management functions of Ministries, industries, local authorities, economical organizations, social-political organizations, societies, associations, non-government organizations which do not have presence in the Board of Management, the Board of Management shall invite competent representatives of such organizations to attend the meeting. Such representatives have right to state opinion but don't have right to vote.

The meetings related to the rights and obligations of employee of VDB must have participant from Trade Union.



5. The Board of Management's Resolutions will be enforceable to VDB be guided, executed by General Director of VDB.

6. General Director, Director of operations center, branches, representative office has responsibility to disclose informations on operation of VDB in accordance with Board of Management's regulations.

7. The members of Board of Management have responsibility to keep information secrecy in line with security regulations even in case of resignation or moving to other organization.

8. Board of Management's operation cost including salary and allowance of the members and its assisting unit will be counted on VBD's management cost.

Article 13. Supervising Board

1. Supervising Board has maximum 07 full-time members, who are experts of finance, credit, investment..., having good legal knowledge, no previous criminal record or violations relating to economic activities as provided by the Law.

2. The Head of Supervising Board is appointed or dismissed by the Board of Management.

Other members of Supervising Board are appointed or dismissed by the Chairperson of Board of Management base on the proposal of the Controller-General.

3. Missions and power of the Supervising Board

a. To examine the abidance of orientations, policies, laws and Resolutions Board of Management;

b. To examine the financial activities and abidance of accounting mechanism, the operation of internal inspection and audit system of VDB;

c. To appraise annual financial statement, if necessary, to examine each item in details related to VDB's financial activities in order to make report to Board of Management, Ministry of Finance and relevant agencies;

d. To report to the Board of Management about the accuracy, honesty and legality of book recording, record storing and preparation of accounting books, financial statement; operations of internal inspection and audit system of VDB.

e. To approve controlling tasks and proposal to the Board of Management for amendment, supplementation and improvement measures to VDB's operation in accordance with the law.

f. To use the VDB's internal inspection and audit system for implementing its missions.

g. To fulfill other assigned missions and power.

4. Operation cost of Supervising Board including salary and allowance for the members of the Supervising Board is counted on VDB's management cost.

Part 3

GENERAL DIRECTOR AND ASSISTANT APPARATUS

Article 14. General Director manages operations of the VBD with the assistance of Deputy General Directors and Chief Accountant.

Article 15. General Director is the legal representative of the VDB, responsible before Board of Management, Prime Minister and the Law for all management of the VBD's operation in



Article 16. Deputy General Director, Chief Accountant is assistant to General Director to manage some fields as assigned by General Director and responsible before General Director and the Law for assigned missions.

Article 17. General Director, Deputy General Directors and Chief Accountant are residents of Vietnam during working-term, having professional skills, banking management capacity.

Article 18. The VDB's General Director is appointed, dismissed by the Prime Minister base on the proposal of Minister of Internal Affairs, after consulted opinion of Minister of Finance and relevant agencies.

The VDB's Deputy General Director, Chief Accountant is appointed, dismissed by the Board of Management base on the proposal of General Director.

Article 19. Power and missions of General Director

1. To organize and execute the missions that Government, Prime Minister assigned to the VBD

2. To manage the VDB's activities, decide issues related to the VDB's activities in compliance with the Law and Resolutions of the Board of Management, to be responsible for performance of VDB.

3. To regulate the decentralization to VDB's affiliates in carrying out operation of State investment and export credit, post-investment support, guarantee and the other operations in compliance with the law.

4. To decide the loan interest rate, borrowing interest rate of the VDB in accordance with the regulations of the State development investment credit and export credit.

5. To receive capital and other resources given by the Government.

6. To approve an independence audit institutions to audit the VDB's activities.

7. To decide the appointment, dismissal of the following positions: the Director of Department at the Head Office, Director of branches, operations centers, domestic and abroad representative offices after having approval of the Board of Management.

8. To decide the appointment, dismissal of the other positions in the system, including:

a. Vice Director of operations centers, branches, representative offices.

b. Managers, Vice manager of Divisions. Director and Vice Director of Head Office' departments.

c. Other positions under General Director's authority as stipulated by the Board of Management.

9. To issue documents on:

a. General regulations on operation and activity of Operations centers, branches, representative offices;

b. Regulations on organization and operation of internal inspection and audit in compliance with the law.

10. To submit to the Board of Management for:

a. Approving the VDB's yearly business plan.



- b. Reporting to Minister of Finance to submit to Prime Minister for decision of amendment, supplementation the Charter on Organization and Operation of VBD and General Regulations on financial regime.
 - c. Establishment, division, separation, mergence, dissolution of operations centers, branches and representative offices of operations centers, branches and representative offices of the VDB.
 - d. Appointment, dismissal of Deputy General Director, Chief Accountant.
 - e. Deciding commission rate, fee, fines applicable to customers in compliance with the law.
- 11. To be legal representative of the VDB before the law in procedure, dispute, liquidation, dissolve and international relations related to the VDB's activities.
 - 12. In case of emergency (such as natural calamities, enemy-inflicted destruction, fire, breakdown...), to have right to decide using of over - authority measures and to be responsible for such decisions, and afterward reports to Board of Management immediately.
 - 13. To sign documents, agreements, contracts, certificates of VDB in the activities of internal affairs and foreign affairs in compliance with the law.
 - 14. To be responsible before the Board of Management and State competent authority for the implementation of his executive missions in line with the law.
 - 15. To report to the Board of Management and other State competent agencies as stipulated in this Charter and other regulations related to VDB's operation.
 - 16. To have other rights and missions according to the regulations of the law and the Board of Management.

Article 20. Reward and discipline to the community and individual of the VDB will be realized in compliance with the regulations of the law.

Charter IV CAPITAL AND USE OF CAPITAL OF VDB

Article 21. Capital in use

- 1. Subscribed capital of the VDB
- 2. Injection capital from the Stage Budget for purpose of investment credit and export credit.
- 3. ODA funds delegated by the Government for onlending
- 4. Issuing bonds, promissory notes and deposit certificates.
- 5. Receiving trust funds from domestic and foreign organizations.
- 6. Borrowings from the Postal Saving Service Company and Social Insurance Funds, other domestic and foreign financial/credit institutions.
- 7. Non refundable contributions from individuals, economic, financial, credit and socio-political organizations; associations, domestic and foreign organizations.
- 8. Trust funds for grant, lending, collecting debts from domestic and foreign organizations by entrusted agreements between the VDB and other institutions.
- 9. Other sources in conformity with the laws.

**Article 22.** Use of capital

The VDB has rights to use its capital for the following purposes:

1. Implement the State development investment credit policy:
 - a. Investment lending
 - b. Post-investment support
 - c. Credit guarantee
2. Implement the export credit policy:
 - a. Seller lending
 - b. Buyer lending
 - c. Export credit guarantee
 - d. Issuing bid bonds and performance bonds.
3. Capital investment of VDB's construction and assets procurement in conformity with the laws.
4. Disburse trust funds or lend trust fund on the requirement of entrust party.

Chapter V

FINANCE, ACCOUNTING, REPORT AND AUDIT

Part 1

FINANCE

Article 23. Financial regime

1. The VDB applies collecting accounting regime, self-control in finance, self-responsible for its operations before the law; realizes preserve and increase of capital; covers expenses and credit risks. General Regulations of financial management of VDB is decided by The Prime Minister base on the proposal of Minister of Finance.
2. The VDB is responsible for balancing capital and capital demand to implement the State development investment credit and export credit policy. Fund procurement at market interest rate for lending purposes must ensure the principle that this procurement is made only in case the other lower-rate funds were fully used.
3. The State covers interest difference and management fees for development investment credit and export credit operations as stipulated in the General Regulations on Financial Management.
4. The Chairperson of Board of Management, General Director take responsibility before the law and State management agencies for executing financial regime of the VDB.

Part 2

ACCOUNTING, FINANCIAL STATEMENT AND AUDIT

Article 24. Accounting, Statistic regime

1. The VDB performs accounting, statistic regime in compliance with the law.



2. The VDB realizes account entry according to account system regulated by the State .
3. The fiscal year of the VDB starts on January 01st and finishes on December 31st of the solar calendar.

Article 25. Financial Statement regime

1. The VDB makes periodically financial statement, statistic and performance reports in compliance with regulations of Ministry of Finance and State Bank of Vietnam
2. General Director is responsible for accuracy and honesty of all reports.

Article 26. Audit

1. Within 6 months since the end of fiscal year, the VDB must present financial statement audited by an independent audit institution.
2. Audit institution must be selected through bidding procedure. Auditing of the activities of the VDB is executed in compliance with the law on independent audit and this Charter.

Chapter VI **INFORMATION AND DATA SECURITY OF THE VDB**

Article 27. The VDB has rights to exchange information about the bank's activities and its customers with domestic and foreign financial and credit institutions.

Article 28.

1. Employees VDB and concerned persons must not reveal secrecy of information related to the activities of the VDB as provided by the law.
2. The VDB have right to reject any request on providing information related to deposit, assets of its customers and the VDB's activities made by any organization, individual, except for the case that the request made by State competent agencies in compliance with the law or with prior consent of its customers.

Chapter VII **ENFORCEMENT PROVISION**

Article 29. The Prime Minister approves the amendment, supplementation of this Charter upon the proposal submitted by Minister of Finance base on the Board of Management's report.

Chairperson of Board of Management, General Director of the VDB is responsible for organizing the implementation of this Charter.

PRIME MINISTER
Signed and Sealed

Phan Van Khai



PRINCIPLES FOR FINANCIAL STATEMENTS OF VDB

1. Accounting system

For the accounting period of 2004, the financial statements of the Bank are prepared in accordance with the Decision No. 162/1999/QD-BTC dated 24 December 1999 and the Decision No. 99/2001/QD-BTC dated 02 October 2001 issued by the Ministry of Finance.

For the accounting period of 2005 and 2006, the financial statements of the Bank are prepared in accordance with the Decision No. 78/2003/QD-BTC dated 24 December 1999.

2. Accounting period

The accounting period is from 01 January to 31 December annually.

3. Standard currency

The standard currency unit in use is Vietnam Dong (VND).

Transactions dominated in foreign currencies are exchanged into VND at the relevant exchange rates relating to each transaction. Foreign currency transactions are only recorded in off-balance sheet items including foreign currencies, outstanding ODA loans dominated in foreign currencies and others.

Deposit balances in foreign currencies at the end of each month are revaluated at the exchange rate disclosed monthly by the Ministry of Finance.

4. Accounting method in general

The accounting method for interest on loans is based on the net receipts principle, and the method for expense of borrowings is based on the net proceeds principle (the cash-based accounting method).

For other transactions, the method in use is based on the accrued principle.

5. Accounting method of fixed assets

The usage, management and depreciation method of fixed assets is in compliance with the Decision No. 206/2003/QD-BTC dated 12 December 2003 issued by the Ministry of Finance.

6. Accounting form

The accounting form is computer accounting. The accounting software is based on principles of the Journal accounting form.



BALANCE SHEETS

Unit: millions of VND

		2004	2005	2006
A - ASSETS				
Cash	1	2.519	4.198	5.999
Deposits	2	7.002.415	9.960.674	13.426.148
Operating Assets	3	94.816.836	89.096.201	96.196.730
Accounts Receivable	4	1.469.115	3.458.535	5.212.277
Fixed Assets	5	251.223	263.016	333.806
Other Assets	6	47.338	78.416	60.250
Total Assets		103.589.448	102.861.040	115.235.210
B - LIABILITIES AND EQUITY				
Deposits from State Treasury, Financial Institutions	7	0	234.975	1.428.608
Deposits from Customers	8	3.656.710	6.967.711	5.594.776
Borrowings from State Budget, Financial Institutions	9	63.117.477	23.825.144	23.193.210
Trust Funds	10	0	45.677.453	49.266.881
Bonds and Notes	11	13.368.000	16.503.000	25.753.000
Accounts Payable	12	16.190.243	2.278.989	2.035.282
Other Liabilities	13	283.383	617.399	760.340
Equity	14	5.605.460	5.278.833	5.387.927
Other Funds	15	911.464	678.834	1.016.952
Retained Earnings	16	456.711	798.702	798.234
Total Liabilities		103.589.448	102.861.040	115.235.210



STATEMENTS OF OPERATIONS

Unit: millions of VND

		2004	2005	2006
Interest on Loans	17	1.341.586	1.637.511	1.866.580
Interest on Deposits	18	502.757	312.614	690.061
Non-interest Revenues	19	1.095.800	1.604.934	1.905.776
Total Revenues		2.940.143	3.555.059	4.462.417
Interest on Borrowings	20	1.360.437	1.444.466	1.618.999
Interest on Deposits	21	122.965	203.289	497.066
Interest on Bonds and Notes	22	692.155	1.230.413	1.486.949
Non-interest Expenses	23	308.524	334.829	404.783
Total Expenses		2.484.081	3.212.997	4.007.797
Net Earnings		456.062	342.062	454.620

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS

1. Cash

Unit: millions of VND

	2004	2005	2006
Cash	2.519	4.198	5.999
Cash on hand	2.519	4.198	5.999

2. Deposits

Unit: millions of VND

	2004	2005	2006
Deposits	7.002.415	9.960.674	13.426.148
Balances with the State Bank of Vietnam	-	54.665	20.108
Deposits in financial institutions	-	9.906.009	13.406.040
Current accounts	-	2.369.735	2.956.283
Term deposits	-	7.536.274	10.449.757



3. Operating Assets

Unit: millions of VND

	2004	2005	2006
Operating Assets	94.816.836	89.096.201	96.196.730
Short-term export credit	1.899.646	2.754.491	2.384.026
Within			
Overdue loans	50.737	55.434	103.088
Frozen loans	0	0	0
State's lending programs	1.032.088	1.437.746	1.632.974
Within			
Overdue loans	0	0	0
Frozen loans	0	0	0
Medium and long-term investment loans	37.344.045	40.193.902	44.370.434
Within			
Overdue loans	1.220.323	1.726.084	3.286.365
Frozen loans	731.634	783.146	353.024
Loans for importers	0	0	0
Within			
Overdue loans	0	0	0
Frozen loans	0	0	0
ODA on-lending	36.462.399	42.049.781	44.760.591
Within			
Overdue loans	151.259	206.080	193.481
Frozen loans	5.480	68.925	2.865
Loans in trust (local budget, KFW, international financial institutions)	1.597.855	2.523.548	2.995.476
Within			
Overdue loans	18.720	35.741	94.284
Frozen loans	2.238	3.852	6.849

Unit: millions of VND

	2004	2005	2006
Other loans	835.331	136.733	53.229
Within			
Overdue loans	3.850	3.733	3.229
Frozen loans	0	0	0
Guarantees	0	0	0
Interest support for investment lending	170.841	0	0
Disbursement from trust funds	15.442.296	0	0
Interest support for export credit	32.334	0	0
Loans to be restructured	0	0	0

4. Accounts Receivable

Unit: millions of VND

	2004	2005	2006
Accounts Receivable	1.469.115	3.458.535	5.212.277
Accounts receivable	451.469	433.013	1.238.339
Management fee and difference in interest rates from State budget	446.625	431.183	1.077.079
Other receivables	4.844	1.830	161.260
Receivable in payment activity	1.016.902	3.024.790	3.967.441
Advances	744	732	6.497



5. Fixed Assets

Unit: millions of VND

	2004	2005	2006
Fixed Assets	251.223	263.016	333.806
<i>Tangible fixed assets</i>	235.973	240.600	246.481
Original price	386.398	422.284	453.528
Depreciation	-150.425	-181.684	-207.047
<i>Financial leasing assets</i>	0	0	0
Original price	0	0	0
Depreciation	0	0	0
<i>Intangible fixed assets</i>	15.250	22.416	87.325
Original price	19.019	27.709	94.423
Depreciation	-3.769	-5.293	-7.098

6. Other Assets

Unit: millions of VND

	2004	2005	2006
Others Assets	47.338	78.416	60.250
Financial investments	2.000	3.000	3.000
Tools and other materials	112	108	77
Construction in progress	44.723	74.188	56.691
Prepaid expenses	503	1.120	482

7. Deposits from The State Treasury, Financial Institutions

Unit: millions of VND

	2004	2005	2006
Deposits from State Treasury, Financial Institutions	0	234.975	1.428.608
Deposits from state treasury, financial institutions in VND	0	234.975	1.428.608
Deposits from state treasury, financial institutions in foreign currencies	0	0	0

8. Deposits from customers

Unit: millions of VND

	2004	2005	2006
Deposits from customers	3.656.710	6.967.711	5.594.776
Deposits from domestic customers in VND	3.656.710	6.939.385	5.594.776
Deposits from domestic customers in foreign currencies	0	28.326	0
Deposits from foreign customers in foreign currencies	0	0	0

9. Borrowings from state budget, financial institutions

Unit: millions of VND

	2004	2005	2006
Borrowings from state budget, financial institutions	63.117.477	23.825.144	23.193.210
Borrowings from state budget	0	7.113.021	7.307.340
Borrowings from domestic financial institutions	24.418.602	16.712.123	15.885.870
Borrowings from international financial institutions	38.698.875	0	0

10. Trust Funds

Unit: millions of VND

	2004	2005	2006
Trust Funds	0	45.677.453	49.266.881
ODA sources	0	44.785.616	48.415.143
Difference from foreign exchange rates	0	354.416	303.902
Trust funds from state budget for investment supporting	0	-103.517	-120.124
Trust funds from local budget for investment supporting	0	559	0
Trust funds for distributing	0	91.546	102.826
Trust funds for lending	0	548.833	565.134



11. Bonds and Notes

Unit: millions of VND

	2004	2005	2006
Bonds and Notes	13.368.000	16.503.000	25.753.000
Bonds and notes in VND	13.368.000	16.503.000	25.753.000
Face value	13.368.000	16.503.000	25.753.000
Change in price	0	0	0
Discount price	0	0	0
Bonds and notes in foreign currencies	0	0	0
Face value	0	0	0
Current price	0	0	0
Discount price	0	0	0

12. Accounts Payable

Unit: millions of VND

	2004	2005	2006
Accounts Payable	16.190.243	2.278.989	2.035.282
Accounts Payable	104.468	1.959.362	2.012.474
Dividends and interests	2.516	583	0
Interests and fees payable to trust funds	0	3.117	2.745
Payable to customers	6.800	2.675	2.726
Payable to employees	58.313	72.850	70.762
Payable to state budget	13.541	1.836.955	1.919.199
Other payable	23.298	43.182	17.042
Accounts payable in settlement	16.085.775	319.627	22.808
Payable in settlement	362.203	319.627	22.808
Payable related to trust funds	15.723.572	0	0

13. Other Liabilities*Unit: millions of VND*

	2004	2005	2006
Other Liabilities	283.383	617.399	760.340
Money held for settlement	0	172.270	163.626
Warranty	283.383	118.090	123.596
Allowance for loan losses	0	327.039	473.118

14. Owner's Equity*Unit: millions of VND*

	2004	2005	2006
Owner's Equity	5.605.460	5.278.833	5.387.927
Chartered capital	5.197.028	5.253.648	5.361.205
Construction capital	11.149	10.322	10.110
Other capital	397.283	14.863	16.612

15. Owner's Funds*Unit: millions of VND*

	2004	2005	2006
Owner's Funds	911.464	678.834	1.016.952
Fund for chartered capital increase	0	0	0
Fund for development	663.989	616.732	927.053
Other funds	247.475	62.102	89.899

16. Retained Earnings*Unit: millions of VND*

	2004	2005	2006
Retained Earnings	456.711	798.702	798.234
Retained earnings last year	649	456.640	343.614
Retained earnings this year	456.062	342.062	454.620



17. Interest On Loans

Unit: millions of VND

	2004	2005	2006
Interest On Loans	1.341.586	1.637.511	1.866.580
Interest on short-term export loans	109.476	141.144	157.573
Interest on medium and long-term loans	1.200.442	1.441.998	1.675.290
+ Interest on medium and long-term Investment Loans	1.088.414	1.324.183	1.558.759
+ Interest on medium and long-term export loans	112.028	117.815	116.531
Interest from State's lending program	0	10.258	22.726
Other interests	31.668	44.111	10.991

18. Interest On Deposits (Revenues)

Unit: millions of VND

	2004	2005	2006
Interest On Deposits (Revenues)	502.757	312.614	690.061
Interest on current accounts	-	44.467	116.677
Interest on term deposits	-	268.147	573.384

19. Non-Interest Revenues

Unit: millions of VND

	2004	2005	2006
Non-Interest Revenues	1.095.800	1.604.934	1.905.776
Management fee (including ODA management fee) and difference from interest rates	1.089.435	1.462.621	1.683.724
Guarantee fee	136	117	90
Settlement fee	2.028	1.848	1.616
Fees from treasury services	1	0	0
Fees from trust funds	1.490	129.416	206.616
Fees from other services	1.569	0	0
Other incomes	1.141	10.932	13.730

**20. Interest On Borrowings***Unit: millions of VND*

	2004	2005	2006
Interest On Borrowings	1.360.437	1.444.466	1.618.999
Interest on short-term borrowings	-	242.117	247.828
Interest on medium and long-term borrowings	-	1.202.349	1.370.145
Interest on SME lending program	-	0	1.026

21. Interest On Deposits (Expenses)*Unit: millions of VND*

	2004	2005	2006
Interest On Deposits	122.965	203.289	497.066
Interest on current accounts	-	17.321	42.082
Interest on other demand deposits	-	6.203	5.439
Interest on term deposits	-	179.764	449.545
Interest on other term deposits	-	1	0

22. Interest On Bonds and Notes*Unit: millions of VND*

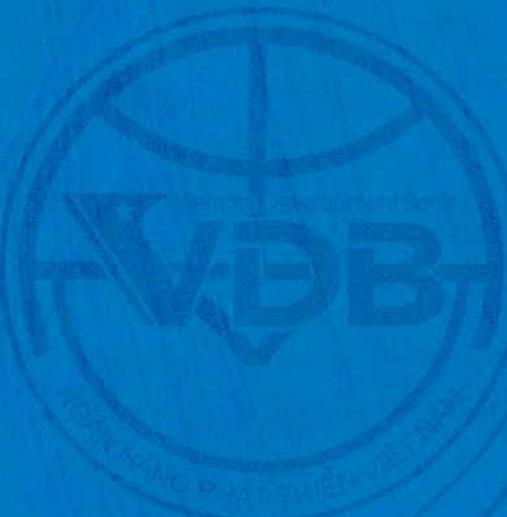
	2004	2005	2006
Interest On Bonds and Notes	692.155	1.230.413	1.486.949
Interest on bonds	692.155	1.230.413	1.486.949

23. Non-Interest Expenses*Unit: millions of VND*

	2004	2005	2006
Non-Interest Expenses	308.524	334.829	404.783
Costs for capital mobilizing	15.886	8.343	19.760
Costs for settlement and treasury services	1.453	3.128	3.564
Other operating costs	490	344	449
Employee-related expenses	100.747	136.897	169.025
Management fee	57.438	59.712	73.057
Depreciation cost	42.884	38.004	35.986
Provision	74.945	84.913	100.755
Other costs	14.681	3.488	2.187

Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Vietnam Development Bank



■ Trụ sở chính:

Ngân hàng Phát triển Việt Nam:

25A Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

ĐT: 84-04.7365659 - 7365671 * 84-04.7365672

■ Head Office of VDB:

25A Cat Linh Str, Dong Da Dist, Hanoi

Tel: 84-04.7365659 - 7365671 * 84-04.7365672

